

Số: 1426/QĐ-QLTTCB

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025
của Cục Quản lý thị trường Cao Bằng

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27/5/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường; Thông tư số 20/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ- BCT ngày 11/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Quyết định số 3222/QĐ-BCT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2025 của Tổng cục Quản lý thị trường;

Công văn số 3770/TCQLTT-TTKT ngày 09/12/2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025;

Căn cứ công văn số 4035/TCQLTT-TTKT ngày 30/12/2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 của Cục Quản lý thị trường Cao Bằng kèm theo Quyết định này. Kế hoạch kiểm tra định kỳ được

gửi cho các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh được kiểm tra thay cho thông báo (không bao gồm Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Tổ chức - Hành chính, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường trực thuộc và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT (b/c);
- UBND tỉnh Cao Bằng (b/c);
- Tổ chức, cá nhân tại Điều 1 (để thông báo);
- Trang thông tin điện tử của Cục;
- Lưu VT, NVTH (01b).



CỤC TRƯỞNG

Trần Mạnh Hùng



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Kiểm tra định kỳ năm 2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số: 1436 /QĐ-QLTT ngày 31/12/2024
của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường Cao Bằng)

I. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Căn cứ

Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Nghị định số 33/2022/ND-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường; Thông tư số 20/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT;

Quyết định số 3667/QĐ- BCT ngày 11/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Quyết định số 3222/QĐ-BCT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2025 của Tổng cục Quản lý thị trường;

Công văn số 3770/TCQLTT-TTKT ngày 09/12/2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025; Công văn số 4035/TCQLTT-TTKT ngày 30/12/2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ tình hình thị trường, yêu cầu công tác Quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; các văn bản, ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, Tổng cục Quản lý thị trường, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 389/ĐP tỉnh về công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả năm 2025 và danh sách cụ thể tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân hoặc địa điểm, địa chỉ kinh doanh thuộc nhóm đối tượng được kiểm tra theo kế hoạch do các Đội Quản lý thị trường trực thuộc tổng hợp, đề xuất.

2. Mục đích

Bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh; đấu tranh hiệu quả với các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và



hàng giả góp phần phát triển sản xuất trong nước, bình ổn thị trường, mở rộng giao thương hàng hóa, dịch vụ; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Đánh giá tình hình thực thi các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân; tổng kết, đánh giá, hướng dẫn các Đội Quản lý thị trường trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực được kiểm tra; biểu dương kịp thời những nhân tố tích cực, kịp thời chấn chỉnh ngay các yếu tố kém, sai sót và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Thông qua công tác kiểm tra định kỳ, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các tổ chức và cá nhân kinh doanh.

Qua kiểm tra phát hiện những bất cập trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

3. Yêu cầu

Hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Mọi hành vi vi phạm đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đồng thời công tác kiểm tra, xử phạt gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với nhóm đối tượng được kiểm tra.

Việc kiểm tra, kiểm soát không gây phiền hà, trở ngại cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ; đảm bảo các hoạt động kinh doanh hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được diễn ra bình thường.

Việc triển khai tổ chức kiểm tra phải có kế hoạch, nội dung kiểm tra cụ thể, chi tiết theo từng nhóm đối tượng, mặt hàng kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; chỉ kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân về các nội dung thuộc phạm vi kiểm tra theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016; Nội dung kiểm tra là các quy định của pháp luật cụ thể đối với từng lĩnh vực quản lý nhà nước mà đối tượng kiểm tra phải chấp hành; việc đánh giá, kết luận kiểm tra phải phản ánh thực tế khách quan, trung thực và đảm bảo công bằng.

Nhận định, đánh giá phân tích những nội dung cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành công tác quản lý thị trường trong từng lĩnh vực; kiến nghị, đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và công tác quản lý thị trường trong thời gian tiếp theo.

Xây dựng Kế hoạch kiểm tra định kỳ trên cơ sở quy mô địa bàn, số lượng kiểm soát viên thị trường của từng đơn vị; tập trung vào một số lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm để tổ chức thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

Tổng số các tổ chức, cá nhân được kiểm tra: **42** tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu, sản phẩm thuốc lá.
- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh xăng dầu, kinh doanh khí.
- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trên thị trường về: mặt hàng phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; hàng điện tử; sản phẩm thời trang.

(Danh sách cụ thể tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được kiểm tra tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này).

2. Nội dung kiểm tra

Những nội dung kiểm tra mà đối tượng kiểm tra không có phát sinh thì ghi rõ trong Biên bản kiểm tra

2.1. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh.

(điều kiện sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để chế biến lại/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ/sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ/nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ/bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ).

- Việc chấp hành quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh rượu.

(Nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp/thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để chế biến lại/thương nhân phân phối/thương nhân bán buôn/thương nhân bán lẻ rượu/thương nhân bán rượu tiêu dùng tại chỗ/thương nhân kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ).

- Việc chấp hành quy định về chế độ báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh rượu.

- Việc chấp hành quy định về dán tem rượu nhập khẩu/tem rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước.

- Việc chấp hành quy định về cung cấp thông tin về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe.

- Việc chấp hành quy định về bán, cung cấp rượu.
- Việc chấp hành quy định về khuyến mãi rượu.
- Việc chấp hành quy định về quảng cáo rượu.
- Việc chấp hành quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ rượu.
- Việc chấp hành quy định về ghi nhãn rượu.
- Việc chấp hành quy định về công bố sản phẩm rượu.
- Việc chấp hành quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; sử dụng nhãn hiệu (nếu có).

2.2. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
 - Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép.
 - Việc chấp hành quy định về điều kiện mua bán sản phẩm thuốc lá.
- (Điều kiện phân phối sản phẩm thuốc lá/bán buôn sản phẩm thuốc lá/bán lẻ sản phẩm thuốc lá).*

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân được cấp Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá.
- Việc chấp hành quy định về tem sản phẩm thuốc lá.
- Việc chấp hành quy định về bán thuốc lá.
- Việc chấp hành quy định về quảng cáo, khuyến mại thuốc lá.
- Việc chấp hành các quy định về quyền sở hữu trí tuệ *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.
- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa *(nếu có dấu hiệu vi phạm)*.

2.3. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, hộ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện chai LPG, LPG chai mini lưu thông trên thị trường.
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh mua bán khí.

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của cửa hàng bán lẻ LPG chai.

- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí (nếu có).

- Việc chấp hành quy định về việc thực hiện các quy định chung về an toàn đối với cơ sở kinh doanh khí.

- Việc chấp hành quy định về đảm bảo an toàn đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai/đảm bảo an toàn trong vận chuyển, giao nhận LPG chai tới khách hàng sử dụng/đảm bảo an toàn đối với kho chứa LPG chai.

- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa (nếu có dấu hiệu vi phạm).

2.4. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm/nguyên liệu chế biến thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về yêu cầu chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về điều kiện chung đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

(Điều kiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Điều kiện đối với trang thiết bị dụng cụ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Điều kiện đối với người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Điều kiện đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm; bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm).

- Việc thực hiện quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm trong sản xuất thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về truy xuất nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nguyên liệu, phụ gia trong sản xuất thực phẩm.

- Việc chấp hành các quy định về quảng cáo thực phẩm.

- Việc chấp hành các quy định về ghi nhãn thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về đo lường trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ (nếu có dấu hiệu vi phạm).

- Việc chấp hành quy định về chất lượng hàng hóa (nếu có dấu hiệu vi phạm).

2.5. Nội dung kiểm tra đối với thương nhân kinh doanh xăng dầu

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã.
- Việc chấp hành quy định về hoạt động kinh doanh theo giấy phép/giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện đối với thương nhân phân phối xăng dầu/tổng đại lý kinh doanh xăng dầu/đại lý bán lẻ xăng dầu/thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu/cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của thương nhân phân phối xăng dầu/tổng đại lý kinh doanh xăng dầu/đại lý bán lẻ xăng dầu/thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu/cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu (nếu có).
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ (nếu có).
- Việc chấp hành quy định về thực hiện nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh xăng dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về quản lý đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.
- Việc chấp hành quy định về kiểm tra định kỳ.
- Việc chấp hành quy định về yêu cầu đối với người tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Việc chấp hành quy định về giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
- Việc chấp hành quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn.

2.6. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh mặt hàng phân bón/thuốc bảo vệ thực vật/thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ.
- Việc chấp hành quy định về nhãn hàng hóa.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện buôn bán phân bón/thuốc bảo vệ thực vật/thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.
- Việc chấp hành quy định về đo lường trong kinh doanh phân bón/thuốc bảo vệ thực vật/thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.
- Việc thực hiện quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh phân bón/thuốc bảo vệ thực vật/thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ (*nếu có dấu hiệu vi phạm*).
- Việc chấp hành quy định về chất lượng trong buôn bán/mua bán phân bón/thuốc bảo vệ thực vật/thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản (*nếu có dấu hiệu vi phạm*).

2.7. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh mặt hàng điện tử.

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ.
- Việc chấp hành quy định về nhãn hàng hóa.
- Việc chấp hành quy định về công bố hợp quy, sử dụng dấu hợp quy.
- Việc chấp hành quy định về dán nhãn năng lượng.
- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ (*nếu có dấu hiệu vi phạm*).

2.8. Nội dung kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh mặt hàng sản phẩm thời trang.

- Việc chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
- Việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ.
- Việc chấp hành quy định về nhãn hàng hóa.
- Việc chấp hành quy định về điều kiện kinh doanh (*nếu có*)
- Việc chấp hành quy định về đo lường trong hoạt động kinh doanh mua, bán.
- Việc chấp hành quy định về công bố hợp quy, sử dụng dấu hợp quy.
- Việc chấp hành quy định về quyền sở hữu trí tuệ (*nếu có dấu hiệu vi phạm*).

3. Thời gian thực hiện kế hoạch

3.1. Thời gian kiểm tra từ ngày 01/01/2025 và kết thúc trước ngày 10/11/2025.

3.2. Căn cứ thời gian nêu trên, các Đội Quản lý thị trường trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện kiểm tra theo kế hoạch định kỳ đối với các đối tượng được kiểm tra theo quy định.

4. Thời kỳ kiểm tra

Các Đội Quản lý thị trường ban hành quyết định kiểm tra phải ghi rõ thời kỳ kiểm tra đối với đối tượng được kiểm tra. Xác định thời kỳ kiểm tra đối với mỗi cuộc kiểm tra ít nhất là 06 tháng tính đến thời điểm công bố quyết định kiểm tra. Hồ sơ vụ việc kiểm tra của các Đội QLTT phải được nhận xét, đánh giá cụ thể, đầy đủ việc chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân đối với các nội dung kiểm tra trong kỳ kiểm tra theo quyết định kiểm tra.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp

Chủ trì phối hợp với các Đội Quản lý thị trường trực thuộc đề rà soát các đối tượng được kiểm tra, tham mưu Cục trưởng xây dựng Kế hoạch kiểm tra định kỳ trình Tổng cục trưởng phê duyệt; tham mưu Cục trưởng chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của các Đội Quản lý thị trường.

Hỗ trợ, hướng dẫn các Đội Quản lý thị trường trong công tác nghiệp vụ, tham mưu cho Lãnh đạo Cục trong công tác xử lý hồ sơ vụ việc vượt thẩm quyền xử lý của Đội trưởng.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

Tham mưu Lãnh đạo Cục chuẩn bị các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho công tác chuyên môn của các Đội Quản lý thị trường và hướng dẫn xử lý tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, tạm giữ.

Phối hợp với phòng Nghiệp vụ- Tổng hợp, phòng Thanh tra Pháp chế đánh giá chất lượng công tác, đề xuất với lãnh đạo về công tác cán bộ, kịp thời biểu dương và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Đồng thời xem xét phê bình, kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân có thái độ và hành vi vi phạm pháp luật.

Đăng tải kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 của Cục Quản lý thị trường trên Cổng thông tin của Cục (không bao gồm Danh sách kèm theo).

3. Phòng Thanh tra - Pháp chế

Tham mưu cho Lãnh đạo Cục trong công tác tổ chức tập huấn nghiệp vụ; triển khai công tác kiểm tra nội bộ của lực lượng Quản lý thị trường theo quy định của Bộ Công Thương.

4. Các Đội Quản lý thị trường

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra định kỳ của Cục Quản lý thị trường đã được phê duyệt các Đội Quản lý thị trường chủ động gửi kế hoạch kiểm tra đến tổ chức, cá nhân nằm trong Kế hoạch kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Pháp lệnh Quản lý thị trường. Cụ thể 42 tổ chức, cá nhân:

- Đội Quản lý thị trường số 1 kiểm tra 11 tổ chức, cá nhân.
- Đội Quản lý thị trường số 2 kiểm tra 12 tổ chức, cá nhân.
- Đội Quản lý thị trường số 3 kiểm tra 07 tổ chức, cá nhân.
- Đội Quản lý thị trường số 4 kiểm tra 05 tổ chức, cá nhân.
- Đội Quản lý thị trường số 5 kiểm tra 07 tổ chức, cá nhân.

Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành việc kiểm tra theo Kế hoạch đúng quy định. Trong trường hợp xét thấy cần

có sự phối hợp, các Đội Quản lý thị trường chủ trì phối hợp với lực lượng chức năng, cơ quan chuyên môn hoặc báo cáo, đề xuất Cục trưởng để chỉ đạo và triển khai công tác phối hợp kiểm tra.

5. Công tác phối hợp, dự kiến cơ quan phối hợp

Trong quá trình thực hiện kiểm tra, nếu có nội dung liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước của nhiều ngành hoặc các ngành khác nhau thì Đội Quản lý thị trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan (Công an, Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở Khoa học - Công nghệ, Phòng Y tế, Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp & PTNT,...) để thực hiện.

4. Kinh phí, phương tiện và các điều kiện khác phục vụ kiểm tra

Kinh phí, phương tiện đảm bảo phục vụ kiểm tra, kiểm soát được xây dựng từ kinh phí thường xuyên của Cục Quản lý thị trường do ngân sách Nhà nước cấp.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Thời gian thực hiện báo cáo

Các Đội Quản lý thị trường tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra theo từng nhóm đối tượng được kiểm tra (số vụ kiểm tra, số vụ xử lý, số tiền xử phạt vi phạm hành chính, hàng hóa vi phạm, trị giá hàng hóa vi phạm...) trong báo cáo hàng tháng, quý; Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch gửi trước ngày 10/11/2025.

2. Cục Quản lý thị trường tổng hợp, đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch kiểm tra năm 2025 và đề xuất, kiến nghị (nếu có), báo cáo Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường trước ngày 15/11/2025.